

# **TRIẾT HỌC HIỆN SINH VỀ GIỚI CỦA SIMONE DE BEAUVOIR - VÀI GỢI Ý ĐỐI VỚI THỰC HIỆN BÌNH ĐẲNG GIỚI Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

**Bùi Thị Tĩnh\***

(\*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Học viện Chính trị Công an nhân dân.

Email: buithitinh1974@gmail.com

**Tóm tắt:** Những năm gần đây, công cuộc thực hiện bình đẳng giới ở Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu, tạo chuyển biến tích cực cả về mặt nhận thức và thực tế. Song, tình trạng bất bình đẳng giới vẫn còn tồn tại, đặc biệt là ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa, nhóm dân tộc thiểu số, ảnh hưởng tiêu cực đến bản thân người phụ nữ và cản trở sự phát triển của xã hội. Bởi vậy, vấn đề bình đẳng giới tiếp tục được Đảng, Nhà nước Việt Nam đặc biệt quan tâm nhằm phát huy tối đa vai trò của phụ nữ trong xây dựng và phát triển đất nước. Để góp thêm tiếng nói trong công cuộc đó, bài viết giới thiệu quan niệm hiện sinh về giới và con đường giải phóng phụ nữ của S. de Beauvoir - nhà triết học, nhà nữ quyền Pháp thế kỷ XX, từ đó rút ra một vài gợi ý tham khảo cho công cuộc thúc đẩy bình đẳng giới và giải phóng phụ nữ ở Việt Nam hiện nay.

**Từ khóa:** triết học hiện sinh, S.de Beauvoir, thuyết nữ quyền, bình đẳng giới.

*Ngày nhận bài: 19/02/2025; ngày phản biện: 20/02/2025; ngày sửa chữa: 25/04/2025; ngày duyệt đăng: 30/06/2025.*

## **1. Mở đầu**

Trong lịch sử xã hội, vấn đề phụ nữ và vấn đề giới luôn thu hút sự quan tâm của các quốc gia. Đặc biệt, trong bối cảnh hiện nay, khi nhân loại đang vươn tới một xã hội không còn đói nghèo, ngày càng văn minh, bình đẳng và công bằng cho tất cả mọi người, việc giải quyết bất bình đẳng giới trở thành một yêu cầu tất yếu. Những thập niên gần đây, vấn đề bình đẳng giới trên phạm vi toàn cầu đã có nhiều tiến bộ; song, sự phân biệt

đối xử về giới trong việc thực hiện các quyền cơ bản của con người như quyền kinh tế, chính trị, văn hóa, thậm chí cả phương diện tâm lý, vẫn còn tồn tại, nhất là ở các nước đang phát triển.

Ở nước ta, những năm gần đây, công cuộc thực hiện bình đẳng giới đã đạt được nhiều thành tựu, tạo chuyển biến tích cực cả về mặt nhận thức và thực tế, song tình trạng bất bình đẳng giới vẫn còn tồn tại. Tình trạng này không chỉ làm tổn hại đối với từng cá nhân phụ

nữ, mà còn làm chậm sự phát triển của xã hội. Bởi vậy, bình đẳng giới trở thành mối quan tâm hàng đầu, là mục tiêu của sự phát triển và là một yếu tố góp phần nâng cao khả năng tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội, hướng tới mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh”.

Nhằm góp tiếng nói trong công cuộc thực hiện bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay, từ góc độ lý luận, bài viết giới thiệu quan điểm về giới và con đường giải phóng phụ nữ của nhà hiện sinh người Pháp S. de Beauvoir - người được coi là “một trong những nhân vật dẫn đầu phong trào nữ quyền” phương Tây thế kỷ XX. Bà không chỉ được biết đến với tư cách một nhà văn, mà còn là một nhà triết học hiện sinh, nhà nữ quyền nổi tiếng của thế kỷ XX.

## **2. Triết học hiện sinh về giới của S. de Beauvoir**

Vấn đề giới đã được S. de Beauvoir đặt ra trong một số tác phẩm, song *Giới thứ hai (Le deuxième sexe*, xuất bản năm 1949) là công trình đồ sộ, được bàn luận toàn diện và sâu sắc nhất trên nền tảng triết học hiện sinh. Chuyên luận gồm hơn một nghìn trang sách, tập trung luận bàn về hoàn cảnh của phụ nữ, chỉ rõ sự khác biệt về giới và rút ra kết luận quan trọng: phụ nữ được xác định một cách không thay đổi là “tha nhân” của đàn ông, là giới thứ hai. Phủ nhận các quan điểm sinh học, lịch sử và phân tâm học, Beauvoir cho rằng, không có quan điểm nào đủ giải thích việc xác định phụ nữ là “tha nhân” của đàn ông và hậu quả là, tình trạng bị áp bức lâu dài của phụ nữ.

Tuy nhiên, cách tiếp cận giới của mỗi khoa học đã góp phần làm sáng tỏ hoàn cảnh chung của phụ nữ với tư cách là *giới khác* - tha nhân.

Bằng việc khai thác chuyên kê và quan sát người phụ nữ từ tuổi thơ ấu, qua thuở thiếu thời và kinh nghiệm của mình về sự luyện ái đồng giới, Beauvoir cho rằng, ở mỗi giai đoạn, người phụ nữ luôn buộc phải từ bỏ yêu cầu vượt lên tính chủ thể bằng cách nghiêm chỉnh chấp nhận yêu cầu về vai trò “thụ động” (passive) và “tha hóa” (aliénation) so với nam giới.

Theo Beauvoir, phụ nữ giữ vai trò là “tha nhân” không phải do lỗi của họ, song, bản thân phụ nữ cũng không phải hoàn toàn vô can trong việc tạo nên sự phụ thuộc của chính mình. Bà chỉ ra ba thái độ sai lầm mà phụ nữ thường mắc phải gồm: “*người phụ nữ tự yêu mình*”; “*người phụ nữ si tình*” và “*người phụ nữ sùng tín*”, đây được xem là những thái độ đã góp phần làm trầm trọng thêm tình trạng phụ thuộc ấy.

Trên cơ sở phê phán các dữ kiện sinh học, lịch sử, phân tâm học, Beauvoir khẳng định: “không phải vị trí thấp kém của phụ nữ đã quyết định sự vô nghĩa của phụ nữ trong lịch sử. Chính sự vô nghĩa về mặt lịch sử đã làm cho họ có vị trí thấp kém” (S. de Beauvoir 1949: 225). Từ đó, bà nhấn mạnh việc cần thiết phải xóa bỏ sự vô nghĩa của lịch sử cùng những định kiến hẹp hòi, nhằm đưa phụ nữ đến với ánh sáng và mang lại sự bình đẳng, hạnh phúc và niềm vui cho họ.

Beauvoir cho rằng, do tồn tại bởi

thói quen lâu đời, phụ nữ thường chấp nhận vị trí “tha nhân”, phụ thuộc mà không quyết tâm thay đổi, nên một cách tự nhiên, họ đã thuộc về “tha nhân”. Mặc dù vậy, bà vẫn khẳng định: *người ta sinh ra không phải là phụ nữ mà là trở thành phụ nữ*, nghĩa là, không có gì buộc con người phải đóng vai trò là “tha nhân”. Vì thế, phụ nữ phải tự ý thức về bản thân và là người chịu trách nhiệm trước hết về sự phân biệt giới cũng như sự phụ thuộc của họ. Nếu “người ta sinh ra không phải là phụ nữ” thì mọi khả năng đều có thể mở ra khi phụ nữ hành động một cách tự do và tạo ra vai trò mới của mình. Theo Beauvoir, sự phân biệt giới không tồn tại như một thực tại tự nhiên, mà là sản phẩm của những điều kiện xã hội nơi con người được sinh ra. Do đó, cần phải loại bỏ tất cả những áp lực lịch sử, văn hóa vốn gán cho người phụ nữ và phải đặt hiện sinh của họ trong tính trung thực vốn có. Mọi thứ không phải đã định sẵn, mà là những hoàn cảnh cụ thể cần được người phụ nữ thực hiện và tất cả đều là khả thể (possible). Người phụ nữ cần phải giải phóng mình khỏi ách áp bức và sự thấp kém bằng cách hạ thấp vị thế của đàn ông, nhưng Beauvoir cho đó chỉ là “công việc tự vệ” và sẽ khó thành công.

Đi xa hơn các nhà nữ quyền đương thời, Beauvoir cho rằng, giải phóng phụ nữ không phải phủ nhận quan hệ với “tha nhân” - nam giới, mà là giải phóng họ thoát khỏi thân phận người phụ nữ bị tha hóa trong sự tự tại; nghĩa là, không tự nhốt mình trong quan hệ với nam giới, đồng thời vượt lên sự

phân hóa tự nhiên giữa nam giới và nữ giới. Mỗi người phụ nữ “tự định nghĩa” về mình, lựa chọn hiện sinh cho mình, nhưng đồng thời cũng vẫn hiện hữu cho cả đàn ông, đôi bên đều thừa nhận nhau là chủ thể, là “tôi” và người kia vẫn là “tha nhân”: “Tính tương hỗ trong quan hệ ấy của họ không làm tiêu hủy những sự diệu kì do sự phân chia loài người thành hai giới riêng biệt tạo nên: lòng ham muốn, sự chiếm hữu, tình yêu, ước mơ, mạo hiểm và những từ ngữ: hiến dâng, chinh phục, gấn bó sẽ giữ nguyên ý nghĩa của chúng. Trái lại khi tình cảm nô lệ của một nửa nhân loại và toàn bộ hệ thống đạo đức giả của nó bị thủ tiêu thì sự phân chia nhân loại sẽ bộc lộ ý nghĩa đích thực của nó và đôi vợ chồng sẽ tìm thấy bộ mặt chân chính của mình” (S. de Beauvoir 1996, tập 2: 441).

Với Beauvoir: “không phải là con người phổ quát không có tính cá thể là nguồn gốc của các giá trị, mà số đông những con người riêng biệt cụ thể hướng tới cứu cánh của mình trên cơ sở các tình huống mà tính riêng biệt là cơ bản và không thể giảm thiểu tính chủ thể” (S. de Beauvoir 1947: 24). Do đó, cần xem xét vị trí và hoàn cảnh của phụ nữ, rồi phát triển các vấn đề trong hoàn cảnh ấy để tạo lập điều mà phụ nữ mong muốn. Beauvoir khẳng định, chính *hoàn cảnh xã hội đã tạo ra thân phận người phụ nữ*. Thân phận con người không phải là bản chất tiền định, cũng không mang ý nghĩa phổ quát cố định, mà cần phải xem xét từ *hoàn cảnh và thông tin cụ thể*. Tuy vậy, có những hoàn cảnh không phải dễ dàng vượt qua, thậm chí

còn là những yếu tố ngăn cản hành động của con người: “có những dân tộc bị áp bức như nô lệ và nhiều phụ nữ sống trong một thế giới giống như thế giới của trẻ thơ, nơi những giá trị, tập quán, Chúa và luật lệ đều được quy định sẵn, mà họ không được tự do chọn lựa. Hoàn cảnh của họ không được xác định bằng khả năng siêu việt, mà bằng sự ép buộc của các thiết chế và các tổ chức quyền lực bên ngoài” (S. de Beauvoir 1947: 54-55). Do những quyền lực áp đặt, nên hoàn cảnh của họ thường biểu hiện như một trật tự tự nhiên của thế giới. Và, người phụ nữ thường hoang mang cho rằng, số phận của họ đã được quy định một cách tự nhiên.

Phủ nhận các quan điểm đó, Beauvoir khẳng định dứt khoát rằng: “chắc chắn người phụ nữ cũng như một người đàn ông, đều là người: nhưng một lời khẳng định như vậy cũng là trừu tượng; thực tế là mọi con người cụ thể đều luôn luôn được xác định bởi hoàn cảnh riêng biệt” (S. de Beauvoir 1949:13), do đó, không thể có tính nữ vĩnh hằng. Tuy nhiên, sự phủ nhận này cũng chưa nói lên con đường giải phóng phụ nữ, mà đó chỉ là sự chạy trốn, vứt bỏ thực tại và chưa phải là cuộc đấu tranh từ bên trong, từ sự sẵn sàng thay đổi của bản thân người phụ nữ.

Trở về với lập trường hiện sinh và bác bỏ những nguyên tắc duy lý trừu tượng, Beauvoir kêu gọi hãy *giải thích người phụ nữ từ chính hoàn cảnh của họ, chứ không giải thích hoàn cảnh dựa trên tính chất của họ*. Mặt khác, để giải thích các giới hạn của phụ nữ, cần “viện

đẫn hoàn cảnh” của họ thay vì quy chiếu vào một bản chất huyền bí. Vì thế, việc xem xét người phụ nữ cần được cá biệt hóa và phân tích trong những hoàn cảnh cụ thể. Nói cách khác, không tồn tại một luân lý vĩnh viễn hay nguyên tắc cố định để áp đặt thân phận phụ thuộc của người phụ nữ; trong mọi trường hợp và hoàn cảnh, người phụ nữ phải sáng tạo và không ngừng vươn lên.

Theo nhà triết học, hiện tượng học Y. Raynova, quan điểm này của Beauvoir không phải là một “triết lý thấp kém”, mà là một giả thuyết phản hiện đại về “cái khác”, phủ nhận bản chất hay “tính chất của phụ nữ” nhằm vạch trần sự tương phản giữa hoàn cảnh bên ngoài và cái riêng của họ. Bởi vậy, không nên hiểu vấn đề giới chỉ bằng “sự khác nhau” hay sự không đồng nhất, mà cần được nhìn nhận trong tính giống nhau: “Là một con người, đó là điều vô cùng quan trọng trong tất cả những sự khác biệt đặc trưng của con người. Trong cả hai giới cùng có một tính xác thật và trí óc, sự đối lập của sự hân hữu và siêu việt, cả hai đều bị thời gian gặm nhấm, bị cái chết rình mò, giới nào cũng có một nhu cầu cơ bản đối với giới bên kia” (S. de Beauvoir 1996, tập 2: 658-659). Tư tưởng này có thể được coi là một tuyên ngôn cho sự luận chứng về sự bình đẳng giữa hai giới, nhưng đó là *bình đẳng bao hàm sự khác biệt*.

Như vậy, lý luận của Beauvoir về giới là nhất quán dựa trên luận đề mang đậm chất hiện sinh chủ nghĩa “người ta sinh ra không phải là phụ nữ mà trở thành phụ nữ”. Vì vậy, không có cái gọi

là “bản tính giới” áp đặt cho phụ nữ và cần phủ nhận thực tế này để tồn tại chân thực là chính mình. Mỗi phụ nữ là một cá thể tự do, tự tạo lập sự hiện sinh của bản thân mình để xóa bỏ cái gọi là “chủ nghĩa giới” (sexism) mà xã hội đã áp đặt cho họ. Thực hiện sự hiện sinh của bản thân mình tức là sống theo châm ngôn của Albert Camus: *con đường hạnh phúc là con đường tự giác chọn lựa trong sự tự do tuyệt đối*. Từ lập trường hiện sinh đó, Beauvoir đã triển khai các ý tưởng cụ thể hướng đến giải phóng phụ nữ.

### 3. Con đường giải phóng phụ nữ trên nền tảng triết học hiện sinh

Từ luận điểm nền tảng “người ta sinh ra không phải là phụ nữ”, Beauvoir yêu cầu người phụ nữ cần vươn tới tự do, khẳng định tính chủ thể và cái tôi nhân vị để tự giải phóng mình. Đây chính là những chuẩn mực luân lý để người phụ nữ hiện hữu, tức để “người phụ nữ trở thành phụ nữ”.

*Một là, tự do hiện sinh - tiền đề khẳng định tính chủ thể.*

Kế thừa tư tưởng của J.-P.Sartre về tự do, xem *tự do như là điểm xuất phát cho triết học* của mình, Beauvoir cho rằng, tự do là điều không thể thoát khỏi, bởi nhờ đó chúng ta được xác định như những con người: “con người là tự do từ căn nguyên với ý nghĩa nó tự thả mình một cách tự phát trong thế giới” (S. de Beauvoir 1945: 35). Do đó, con người tự do cần phải “phản đối sự áp bức của người này đối với những người khác” (S. de Beauvoir 1945: 156). Từ quan điểm này, Beauvoir nhấn mạnh

phụ nữ cần chống lại sự áp bức của nam giới đối với bản thân mình. Theo bà, *con người tự do chân chính không chỉ không nên áp bức người khác, mà cần tạo ra các điều kiện để người khác có thể phát triển tự do chân chính của họ*. Nói cách khác, mục đích của hành động chỉ có thể được xác lập như một cứu cánh thông qua tự do. Các dự phóng của mỗi con người phải nảy sinh từ tính tự phát cá nhân, chứ không phải từ một thiết chế, quyền lực, hay ở bên ngoài cá nhân. Chỉ trong điều kiện đó, con người mới đạt đến tự do tuyệt đối.

Tự do mà Beauvoir yêu cầu ở người phụ nữ là tự do cá nhân, tự do cho mỗi chủ thể, đó là thứ tự do rất cụ thể, biểu hiện trong các hoàn cảnh riêng biệt. Để được tự do, người phụ nữ phải không ngừng siêu việt thông qua những dự phóng riêng với mỗi nguy hiểm và sự bấp bênh có thể xảy đến. Siêu việt đòi hỏi người phụ nữ phải vượt lên đời sống thường nhật từ tuổi ấu thơ cho đến lúc tuổi già, kể cả những công việc tẻ nhạt nhất như bếp núc, dọn vệ sinh... và tạo được chỗ đứng của riêng mình. Ở vị trí ấy, phụ nữ sẽ tự hào về suy nghĩ, hành động, lao động, sáng tạo và tuyên bố quyền bình đẳng. Beauvoir đã giữ vững lập trường hiện sinh cơ bản: mỗi cá nhân, không phân biệt giới tính, giai cấp, lứa tuổi, cần được khuyến khích để họ tự xác định cho mình và nhận lấy trách nhiệm cá nhân để đến với tự do. Bà cho rằng, con người nói chung, phụ nữ nói riêng đều có quyền lựa chọn bất cứ cái gì và hành động theo những gì mình đã lựa chọn. Đề cao tự do sẽ thúc

đầy phụ nữ tự giác, tích cực hành động, mà không trông chờ vào các thiết chế xã hội hay thế lực bên ngoài, tự giải phóng cho mình, khẳng định tính chủ thể của mình.

*Hai là, tính chủ thể của người phụ nữ.*

Tính chủ thể thể hiện ở chỗ con người hiện sinh luôn làm chủ bản thân, không tự nhốt mình và không nằm lỳ trong một khuôn mẫu đã được định sẵn. Con người không bao giờ dừng lại ở một chỗ đứng tối hậu, bất động, mà luôn siêu vượt, vươn tới một cuộc sống độc lập. Trong mọi hoàn cảnh, con người luôn phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về bản thân mình, cái “hiện là”, không được thờ ơ hay thoái thác trách nhiệm của bản thân cho người khác. Nói như J.-P.Sartre: “bước đầu tiên của chủ nghĩa hiện sinh là làm sao để con người làm chủ được mình hiện là và bắt con người hoàn toàn chịu trách nhiệm về cuộc đời mình” (J.-P.Sartre 1968: 20). Đối với người phụ nữ cũng vậy, theo bà, cần phải hành động, lựa chọn và tự chịu trách nhiệm về chính hành động của mình. Vì vậy, “giải phóng phụ nữ, tức là không còn tiếp tục nhốt chặt họ trong quan hệ với nam giới, chứ không phải phủ nhận những mối quan hệ đó. Dù có tự khẳng định cho chính mình thì cũng không phải vì vậy mà họ không tồn tại cho cả người đàn ông. Tuy thừa nhận nhau là chủ thể, mỗi người vẫn là người khác đối với bên kia” (S. de Beauvoir 1996, tập 2: 441).

Beauvoir nhấn mạnh, khi xem xét tính chủ thể, cần phải gạt bỏ tất cả mọi khác biệt căn bản về giới giữa nữ và

nam. Sự khác biệt giữa hai phái này là một thực tại thuộc cơ năng và không ai có thể chối cãi. Nhưng bằng con mắt của nhà hiện tượng học hiện sinh, Beauvoir cho rằng: “không phải thân xác đối tượng được người ta miêu tả hiện hữu một cách cụ thể, mà là thân xác được chủ thể sống mới hiện hữu. Người đàn bà thuộc giống cái trong mức độ mà nàng cảm thấy là thế” (S. de Beauvoir 1949: 77). Luận điểm này đã chỉ rõ “tính nữ” là do sự cảm nhận của bản thân người phụ nữ. Nhưng mặt khác, cảm nhận này cũng bị chi phối bởi chính nam giới, chứ không phải do cấu tạo cơ thể sinh học giới nữ. Vì vậy, “người ta sinh ra không phải là phụ nữ. Không có vận mệnh sinh vật, tâm linh, kinh tế nào định nghĩa được bộ mặt mà loài người khoác lên trong lòng xã hội được. Đó là toàn thể văn minh nhào nặn sản phẩm trung gian giữa người đàn ông và người bị hoạn mà người ta định tính là giống cái” (S. de Beauvoir 1996, tập 2: 13). Beauvoir chỉ ra rằng, người phụ nữ thực sự giống như kẻ nô lệ hay đứa trẻ, sống trong tình trạng nguy tín; vì trốn tránh trách nhiệm mà họ hành động như thể không có cách lựa chọn nào khác, và tình trạng bị áp bức của họ cũng tương tự như người nô lệ. Do không có cách giải quyết nào khác nên họ thường sống trong sự nguy tín và trông chờ người đàn ông đến giải phóng cho họ. Điều đó đã làm họ quên đi tính chủ thể của mình. Cả Beauvoir và Sartre đều gọi đó là thái độ của con người “ngghiêm túc” (l’homme sérieux), “đàng hoàng” hay tình trạng sống thiếu thiện chí của phụ nữ nói chung.

Từ việc nghiên cứu về quan hệ áp bức giữa chủ nô - nô lệ, giữa đàn ông - đàn bà, Beauvoir nhấn mạnh, con người với tính chất chủ thể là con người hành động với cứu cánh giải phóng cho bản thân và cho mọi người. Cả hai yếu tố cần có một sự hòa hợp, liên kết. Để có tự do, khẳng định tính chủ thể, không có cách nào khác là con người phải làm chủ bản thân mình: “dù cho hạnh phúc của một con người sẽ là cái gì đi nữa, thì đó cũng không phải là một điều có thể do một người nào khác ngoài bản thân mình quyết định và được áp đặt từ bên ngoài. Cái thiện của những tha nhân là một “cứu cánh tuyệt đối”” (S. de Beauvoir 1947: 142). Bản thân mỗi phụ nữ phải luôn tự ý thức được điều này.

*Ba là, khẳng định “cái tôi” - nhân vị độc đáo của người phụ nữ.*

Để giải phóng phụ nữ, Beauvoir cho rằng, nếu chỉ vươn đến tự do, khẳng định tính chủ thể thì chưa đủ, điều quan trọng là phụ nữ phải thể hiện “cái tôi” độc đáo của riêng mình, cái tôi không lặp lại ở bất kỳ ai khác và cũng không làm theo bất kỳ sự sai khiến nào. Cái tôi là thể hiện tự do mà tự do làm thành nền tảng của mọi bản chất. Tính chủ thể tương hỗ với tự do cho phép con người không đánh mất mình (tính chủ thể) và đạt tới “cái tôi”.

Theo Beauvoir, cái tôi hiện sinh bao hàm cả tính chủ thể và liên chủ thể. Với quan niệm con người luôn phải sống trong một thế giới “liên chủ quan tính”, thế giới mà “ta” và “tha nhân” cùng hiện hữu, Beauvoir đã xây dựng cái tôi trong khuôn khổ tự do và trách nhiệm

căn bản thông qua các quan hệ xã hội. Trong các quan hệ đó, cái tôi đều thể hiện hai mặt: *một mặt*, để hiện hữu, con người phải gắn bó mật thiết với người khác; *mặt khác*, mỗi con người lại tồn tại tuyệt đối xem như “cho nó”. Hai mặt này tưởng chừng như mâu thuẫn nhưng sự thật lại không mâu thuẫn chút nào, vì mỗi cá thể “làm nên mình” luôn phải được đặt trong mối quan hệ với “tha nhân”. Do vậy, cái tôi vừa là một cá nhân nguyên tử hóa, đồng thời vừa không thể tách rời với các “tha nhân”, tức cái tôi mang tính tương quan. Hai quan niệm này về cái tôi không loại trừ nhau mà đều là những thành phần tạo nên thân phận con người, người phụ nữ. Beauvoir nhấn mạnh, cái tôi phải được cấu tạo bởi quan hệ với tha nhân. Giữa ta và tha nhân có mối liên hệ mật thiết, gắn bó với nhau, tha nhân là điều kiện cho sự hiện hữu của tôi. Dưới con mắt người khác, tôi là tha nhân; và ngược lại, trong con mắt tôi, người khác lại là tha nhân, cả hai cùng bình đẳng và tự do như nhau. Tự do của tôi không ngăn cản hay loại trừ tự do của người khác, do đó, nếu tôi tự do thì tha nhân cũng tự do như tôi, đó là một sự bình đẳng tất yếu. Người phụ nữ và người đàn ông cũng vậy, vừa là chủ thể, vừa là sự tương hỗ. Cái tôi bao giờ cũng được cấu tạo bởi hoàn cảnh và các quan hệ. Tuy cái tôi tự cấu thành bản thân nó một cách tuyệt đối, nhưng sự cấu thành đó vẫn cần có quan hệ chặt chẽ với tha nhân. Vì vậy, quan hệ giữa tôi và tha nhân là cần thiết, luôn có tính tương hỗ.

Với những lập luận sắc bén về mối

quan hệ cái tôi - tha nhân, Beauvoir đã đồng điệu với các nhà nữ quyền hiện đại trong quan niệm về cái tôi, cho rằng *cái tôi* vừa có tính độc lập vừa có tính liên kết, song không phụ thuộc vào tha nhân. Tuy là một cá thể độc lập, song mỗi cá nhân luôn tồn tại trong mạng lưới phức hợp với các tác động tương hỗ bởi các mối quan hệ xã hội. Đóng góp này đã đưa bà trở thành người tiên phong trong nhiều lý thuyết hiện đại về cái tôi, đồng thời đánh dấu bước chuyển lý luận quan trọng khi lấy triết học hiện sinh làm nền tảng cho việc đi sâu vào những vấn đề về giới và chủ nghĩa nữ quyền. Từ cách tiếp cận đó, Beauvoir cho rằng, người phụ nữ cần tồn tại cùng với các tha nhân, quan hệ giữa đàn ông và đàn bà, giữa cái tôi và tha nhân, là tất yếu. Do vậy, để đấu tranh giải phóng mình và thực hiện bình đẳng giới, nhiệm vụ của phụ nữ không chỉ là xóa bỏ sự áp bức của nam giới, cũng không phải là đấu tranh đòi quyền lực từ đàn ông, mà bản thân họ phải *tự vươn lên* trong quan hệ với tha nhân bằng sự hiện sinh, không phụ thuộc vào đàn ông với bất cứ điều kiện hay luật lệ nào.

Như vậy, ba vấn đề mà Beauvoir đặt ra để xem xét con đường giải phóng phụ nữ, khắc phục sự khác biệt giới, có mối quan hệ chặt chẽ, bổ sung cho nhau. Để khẳng định vai trò của mình, bình đẳng với nam giới, phụ nữ phải hiện sinh, mà con đường duy nhất là phải được tự do. Được tự do lựa chọn nghĩa là phụ nữ khẳng định tính chủ thể. Tính chủ thể đảm bảo cho người phụ nữ khả năng tự kiến tạo bản thân, tức khẳng định “cái tôi” - nhân vị độc đáo của riêng mình. Tuy nhiên, cái

tôi theo quan niệm của Beauvoir khác với quan niệm cái tôi truyền thống. Theo bà, “cái tôi” ở đây không phải “cái tôi” cá nhân, độc lập, mà là cái tôi nằm trong mối quan hệ với tha nhân. Nói cách khác, đó là cái tôi liên kết, cái tôi có tính tương quan. Đây là một trong những công hiến độc đáo của Beauvoir cho phong trào nữ quyền hiện đại.

Có thể nói, triết học hiện sinh về giới của Beauvoir là sự phản ánh tình hình xã hội châu Âu và lịch sử nước Pháp những năm sau đại chiến thế giới lần thứ hai. Trên lập trường hiện sinh, chống duy lý, Beauvoir đã nghiên cứu sâu sắc vấn đề giới, vấn đề nữ quyền. Để đưa ra quan niệm hiện sinh về giới và con đường giải phóng phụ nữ, Beauvoir đã rất thận trọng, khảo sát rất công phu các quan niệm về giới trong lịch sử và chỉ ra hạn chế của các quan niệm đó. Dưới sự chỉ dẫn bởi quan điểm về giới của C.Mác, trên lập trường hiện sinh, Beauvoir cho rằng giải phóng phụ nữ không chỉ là khắc phục sự khác biệt giới tính nam - nữ, mà còn là quá trình *vuôn lên thực hiện sự bình đẳng*. Theo đó, để đạt được mục tiêu này, cần giải quyết triệt để quan hệ hiện sinh giữa cái tôi và tha nhân, giữa nam và nữ, bởi không có cơ sở nào để khẳng định phụ nữ phải giữ vai trò là tha nhân, và càng không có bản chất vĩnh hằng cho mọi người phụ nữ. Cách tiếp cận về giới và con đường giải phóng phụ nữ trên nền tảng triết học hiện sinh của Beauvoir có ý nghĩa quan trọng, có thể tham khảo cho công cuộc thực hiện bình đẳng giới và giải phóng phụ nữ ở Việt Nam trong

giai đoạn hiện nay.

#### **4. Một vài gợi ý đối với thực hiện bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay**

Để xóa bỏ tận gốc nguyên nhân bất bình đẳng giới, hướng đến giải phóng phụ nữ, từ cách tiếp cận của Beauvoir, chúng ta cần quán triệt một số nội dung sau:

*Trước hết*, tiếp tục thay đổi và nâng cao nhận thức của cả xã hội, đặc biệt là nam giới về khoảng cách giới và hệ lụy của sự bất bình đẳng giới đối với cá nhân và xã hội. Tuyên truyền sâu rộng trong xã hội về tác động tiêu cực của sự bất bình đẳng giới và hậu quả của nó. Mỗi cá nhân và mọi người cần phải hiểu sâu sắc và thấu đáo rằng, *sự phân biệt giới không phải là tiền định*, càng không phải do yếu tố sinh học hay tính dục như Beauvoir đã chỉ ra, mà là hiện tượng mang tính xã hội và chủ yếu do yếu tố văn hóa giáo dục chi phối, quyết định và được truyền từ đời này qua đời khác. Vì vậy, điều tiên quyết của giải phóng phụ nữ là cần khắc phục quan niệm, nhận thức về sự khác biệt giới, định kiến giới. Từ đó, quyết tâm thực hiện xóa bỏ các định kiến của lịch sử, tháo gỡ các huyền thoại tồn tại dai dẳng đã kìm nén thân phận người phụ nữ trong sự tự tại, thấp kém.

*Hai là*, từ lý luận của Beauvoir về nguyên nhân gây nên tình trạng bất bình đẳng giới, cần tăng cường tuyên truyền nhằm thay đổi nhận thức về các giải pháp thực hiện bình đẳng giới. Giải phóng phụ nữ không phải là đấu tranh giành quyền lực từ nam giới, đòi quyền lực về chính trị, về việc làm và những lợi ích vật chất đơn thuần, mà cần hướng đến giải phóng phụ nữ, gắn với quyền

lợi cá nhân, quyền con người - quyền bình đẳng. Với tinh thần đó, trước hết, mọi phụ nữ phải giương cao ngọn cờ tự do, đề cao tính chủ thể, sự tự vượt lên chính mình chứ không phải trông chờ vào sự giải phóng từ bên ngoài, từ đàn ông. Mỗi phụ nữ phải nhận thức được rằng: không có hoàn cảnh định sẵn, mà “mọi sự đều có thể” nếu phụ nữ biết “nắm trong tay số mệnh của mình” và chủ động vươn lên.

*Ba là*, để có vị trí ngang hàng, không “nhỏ bé”, không phụ thuộc, không “lép vế” so với nam giới, mỗi phụ nữ cần trang bị cho mình một trình độ học vấn và một nghề nghiệp ổn định. Đây là tiền đề tất yếu cho sự tự do, tự chủ, tự tin, khẳng định bản thân và làm chủ cuộc sống của mỗi phụ nữ. Đây là yêu cầu tiên bộ, văn minh, phù hợp với thực tiễn phát triển của xã hội ngày nay. Trong bối cảnh Việt Nam đang trên con đường đổi mới, xây dựng đất nước ngày càng văn minh, bình đẳng và thoát khỏi đói nghèo, giải pháp này càng trở nên cần thiết và rất có ý nghĩa.

*Bốn là*, để phụ nữ có cơ hội thực hiện quyền bình đẳng như nam giới, Đảng, Nhà nước cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế, thể chế, chính sách và pháp luật về bình đẳng giới; các chính sách cần hướng đến bình đẳng thực chất chứ không phải là “ưu tiên”, chiếu cố cho cái gọi là “hoàn cảnh phụ nữ”; đồng thời đảm bảo chính sách, pháp luật phải được phổ biến sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ có cơ hội phát huy hết khả năng, năng lực của mình trong mọi lĩnh vực của đời sống

xã hội (chính trị, kinh tế, văn hóa...), để không chỉ khẳng định bản thân, giải phóng mình, mà còn đóng góp tích cực cho sự phát triển của xã hội. Ngoài ra, Nhà nước cần quan tâm chăm lo, xây dựng, tổ chức tốt các dịch vụ chăm sóc trẻ em, y tế, giáo dục, đưa khoa học công nghệ vào cuộc sống, nâng cao đời sống vật chất để góp phần giải phóng phụ nữ khỏi công việc gia đình, tạo cho phụ nữ có thời gian nâng cao trình độ, phát triển, hoàn thiện bản thân, khẳng định vị thế của mình trong gia đình và tham gia các công việc xã hội.

*Cuối cùng*, bản thân phụ nữ phải ý thức về mình, tự đấu tranh giải phóng, vượt lên trên cái tôi thường nhật để có được tự do và khẳng định nhân vị của mình. Đây là yếu tố quan trọng, phụ nữ phải tự mình quyết định, tự chịu trách nhiệm với bản thân và cuộc đời mình. Đây chính là những gợi ý thiết thực mà Beauvoir đặt ra, có thể tham khảo hữu ích cho công cuộc thực hiện bình đẳng giới và sự nghiệp giải phóng phụ nữ ở Việt Nam hiện nay.

### 5. Kết luận

Bình đẳng giới và giải phóng phụ nữ là “một cuộc cách mạng khá to và khó”, không thể giải quyết trong một thời gian ngắn, bởi “trọng trãi khinh gái là một thói quen mấy nghìn năm để lại. Vì nó ăn sâu trong đầu óc của mọi người, mọi gia đình, mọi tầng lớp xã hội” (Hồ Chí Minh 2011, tập 7: 342). Song, công cuộc này sẽ có những chuyển biến tích cực khi nhận thức của cả xã hội thay đổi và toàn thể cộng đồng cùng chung tay hành động với những giải pháp toàn

diện và đồng bộ. Xuất phát từ thực trạng bất bình đẳng giới ở Việt Nam hiện nay cũng như hoàn cảnh của số đông phụ nữ, việc tham khảo tư tưởng hiện sinh về giới và con đường giải phóng phụ nữ của S. de Beauvoir - nhà triết học thực tiễn, người dẫn đầu làn sóng nữ quyền thứ hai - là hết sức cần thiết, góp thêm một cách nhìn mới mẻ, không chỉ đưa lại bức tranh tổng quát về thân phận người phụ nữ, về nguyên nhân của sự phụ thuộc, về sự bất bình đẳng giới và hậu quả của nó; mà còn gợi mở những biện pháp khắc phục, con đường giải phóng phụ nữ. Con đường giải phóng phụ nữ mà Beauvoir đưa ra có thể chưa hoàn hảo, song việc khuyến khích phụ nữ vươn lên, tự chủ, tự tin, làm chủ bản thân, làm chủ cuộc sống và trở nên hoàn thiện hơn là điều tất yếu; nhờ đó, phụ nữ không chỉ tự giải phóng cho mình mà còn đóng góp cho sự phát triển của gia đình và xã hội. Đây chính là cái đích cuối cùng của công cuộc giải phóng phụ nữ ở Việt Nam và trên toàn thế giới.

### Tài liệu trích dẫn

1. J.-P.Sartre. 1968. *Hiện sinh một nhân bản thuyết*. Sài Gòn: Nxb. Thế sự.
2. Hồ Chí Minh. 2011. Toàn tập. Tập 7. Hà Nội: Nxb. Chính trị quốc gia.
3. S. de Beauvoir. 1945. *Le sang des autres*. Paris : Ed Gallimard.
4. S. de Beauvoir. 1947. *Pour une morale de l'ambiguité*. Paris : Ed Gallimard.
5. S. de Beauvoir. 1949. *Le deuxième*. Tome I, II. Paris: Ed Gallimard.
6. S. de Beauvoir. 1996. *Giới nữ*. Tập 2. Hà Nội: Nxb. Phụ nữ.